

Số: 799/QĐ-UBND

Lùng Phình, ngày 22 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư công
và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 xã Lùng Phình**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ LÙNG PHÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công, ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước 25/6/2025;

Căn cứ Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Chính phủ phê duyệt đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Quyết định số 2336/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của UBND tỉnh Lào Cai về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 tỉnh Lào Cai; Quyết định số 2338/QĐ-TTg ngày 12/12/2025 của UBND tỉnh Lào Cai về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 tỉnh Lào Cai; Quyết định số 2339/QĐ-TTg ngày 12/12/2025 của UBND tỉnh Lào Cai về giao kế hoạch đầu tư công năm 2026 tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 22/12/2025 của HĐND xã Lùng Phình về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 xã Lùng Phình; Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 22/12/2025 của HĐND xã Lùng Phình về dự toán ngân sách xã Lùng Phình năm 2026; Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 22/12/2025 của HĐND xã Lùng Phình về kế hoạch đầu tư công năm 2026 xã Lùng Phình;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế xã Lùng Phình.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư công, dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị, thôn trên địa bàn xã Lùng Phình, như sau:

(Theo các phụ biểu chi tiết đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư công và dự toán ngân sách nhà nước được giao, các cơ quan, đơn vị, các thôn tổ chức triển khai thực hiện, phấn đấu hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu được giao.

2. Đối với các khoản kinh phí đã phân bổ dự toán đến các cơ quan, đơn vị nhưng chưa phê duyệt dự toán chi tiết, các cơ quan, đơn vị được giao dự toán xây dựng dự toán chi tiết gửi Phòng Kinh tế thẩm định, trình Ủy ban nhân dân xã phê duyệt làm căn cứ triển khai thực hiện.

3. Đối với những nội dung chưa giao chi tiết và cần hướng dẫn cụ thể, giao Phòng Kinh tế căn cứ phạm vi, đối tượng tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã giao chi tiết và hướng dẫn triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng Phòng Kinh tế; Trưởng Phòng Văn hóa - Xã hội; Trưởng Phòng giao dịch số 6 - Kho bạc Nhà nước Khu vực IV; Trưởng Thuế cơ sở 4; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, ban, ngành, đoàn thể liên quan, trưởng các thôn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- TT. ĐU, HĐND, UBND xã;
- Như Điều 3;
- Các Ban Đảng thuộc ĐU;
- Các Ban HĐND xã;
- VP: ĐU, HĐND & UBND xã;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Hải Yến

CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2026 XÃ LÙNG PHÌNH

(Kèm theo Quyết định số 799/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 của UBND xã Lùng Phình)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2026		Ghi chú
			Tỉnh giao	Xã giao	
1	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá hiện hành	Tỷ đồng		>514	
2	Cơ cấu (GRDP). Trong đó:			100,0	
-	Nông lâm, ngư nghiệp	%		42,35	
-	Công nghiệp - Xây dựng	%		21,00	
-	Dịch vụ	%		36,65	
3	Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) (theo giá so sánh %)	%	8,0	8,0	
4	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng		47,9	
	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng	46,0	46,0	
5	Tổng mức đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng		600,0	
6	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ xã hội đạt	Tỷ đồng		700,0	
7	Giá trị sản phẩm trên 01 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản	Triệu đồng	70,0	70,0	
8	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	1,095	1,095	
9	Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn	Tỷ đồng	4,670	4,670	
10	Tổng lượng khách du lịch	1000 lượt người	8,0	8,0	
11	Tổng doanh thu du lịch	Tỷ đồng	14,40	14,40	
12	Giá trị sản xuất tiêu thủ công nghiệp	Tỷ đồng		11,10	
13	Chỉ số hạnh phúc của người dân	%	54,3	54,3	
14	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo	%	68,0	68,0	
15	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	%	23,0	23,0	
16	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	99,0	99,0	
17	Số bác sĩ/10.000 dân	Bác sĩ		0,84	
18	Số giường bệnh/10.000 dân	Giường		8,44	
19	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia	%	66,7	82,0	
20	Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi	%		99,0	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2026		Ghi chú
			Tỉnh giao	Xã giao	
21	Giảm tỷ lệ hộ nghèo trong năm trước (theo chuẩn đa chiều giai đoạn 2022-2025)	%	7,15	7,15	
22	Số tiêu chí xã nông thôn mới hoàn thành	Tiêu chí			Giao sau theo Bộ TC mới
23	Tỷ lệ che phủ rừng	%	40,3	40,3	
24	Tỷ lệ dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%		96,0	
25	Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn	%	9,0	9,0	
26	Tỷ lệ chất thải y tế được thu gom, xử lý	%		100,0	
27	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý	%	82,0	82,0	
28	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn	%	65,0	65,0	
29	Tỷ lệ các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường	%		60,0	
30	Tỷ lệ đơn thư khiếu nại, tố cáo được thẩm tra, xác minh, kết luận và ban hành quyết định giải quyết trong thời hạn quy định đối với cấp xã	%		>90	
31	Tỷ lệ thôn đạt xuất sắc trong phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc	%		80,0	
32	Tỷ lệ giải quyết các vụ án	%		100,0	